

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Đầu tư và Xây dựng Long An trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 2329/QĐ-BXD ngày 16/05/2005 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư và Xây dựng Long An thành Công ty cổ phần.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100503295 ngày 05 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 28 tháng 6 năm 2011 với tổng số vốn điều lệ: 85.500.000.000 đồng.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: IDICO - Long An Investment Construction Joint Stock Company

Trụ sở chính: Đường số 1, Khu dân cư Trung tâm phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Ngọc Minh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Xuân Tiến	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Minh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2011)
	Ông Nguyễn Huy Thiện	Ủy viên
	Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2011)
	Ông Võ Hữu Đức	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2011)
	Bà Đinh Diệp Nhật Trâm	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2011)
	Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2011)
	Ông Nguyễn Bá Chủ	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2011)
	Ông Lê Thế Luân	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2011)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Xuân Tiến	Giám đốc
	Ông Nguyễn Huy Thiện	Phó Giám đốc
	Ông Phạm Văn Lộc	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Nguyễn Xuân Tiên
Giám đốc

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2012

101
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
VIỆT
NAM
Độc lập
Tự do
Hòa bình
Thống nhất

Số: 160/2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 32 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm Công ty đã thực hiện điều chỉnh và trình bày lại số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã kiểm toán. Chúng tôi đã kiểm tra các điều chỉnh được nêu trong Thuyết minh số 6.1 để trình bày lại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty. Theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh này là phù hợp và đã được thực hiện đúng đắn.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens International Limited
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Song Toàn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1551/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND (trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		65.085.432.951	84.124.035.433
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.084.347.393	20.711.499.427
1. Tiền	111		3.084.347.393	20.711.499.427
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.025.412.747	31.063.488.504
1. Phải thu khách hàng	131		29.825.028.317	22.654.333.455
2. Trả trước cho người bán	132		2.032.472.234	2.087.674.681
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	5.329.853.645	7.241.138.559
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.161.941.449)	(919.658.191)
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	21.188.646.980	26.694.101.409
1. Hàng tồn kho	141		21.591.073.675	26.694.101.409
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(402.426.695)	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		4.787.025.831	5.654.946.093
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		278.471.220	284.024.085
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		659.036.203	1.024.294.767
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	3.849.518.408	4.346.627.241
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		153.705.695.250	110.300.635.351
II Tài sản cố định	220		146.370.381.278	103.144.965.678
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	19.394.836.295	21.002.843.240
- Nguyên giá	222		31.614.601.960	30.962.966.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.219.765.665)	(9.960.123.265)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	182.376.098	182.376.098
- Nguyên giá	228		182.376.098	182.376.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	126.793.168.885	81.959.746.340
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.810.000.000	6.810.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	6.810.000.000	6.810.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		525.313.972	345.669.673
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		377.451.987	172.231.924
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.9	147.861.985	173.437.749
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		218.791.128.201	194.424.670.784

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND (trình bày lại)
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		112.864.629.982	84.184.181.755
I- Nợ ngắn hạn	310		78.589.740.975	66.193.727.131
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	21.690.138.637	21.332.572.220
2. Phải trả người bán	312		17.219.824.981	12.213.765.644
3. Người mua trả tiền trước	313		22.316.097.250	13.860.139.810
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	1.917.568.643	2.696.451.250
5. Phải trả người lao động	315		1.056.766.298	884.204.176
6. Chi phí phải trả	316	5.12	841.869.374	8.334.326.364
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	12.796.450.326	5.150.515.316
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		751.025.466	1.721.752.351
II- Nợ dài hạn	330		34.274.889.007	17.990.454.624
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.14	17.930.773.120	17.930.773.120
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	16.250.000.000	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		94.115.887	59.681.504
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105.926.498.219	110.240.489.029
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	105.926.498.219	110.240.489.029
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.500.000.000	85.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.000.000.000	9.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.042.907.420	1.042.907.420
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.590.352.430	2.590.352.430
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.346.383.857	2.346.383.857
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.446.854.512	9.760.845.322
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		218.791.128.201	194.424.670.784

Người lập biểu



Phạm Quốc Tài

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Tiến

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Giám đốc




Nguyễn Xuân Tiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND (trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	119.115.556.625	100.571.127.041
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		119.115.556.625	100.571.127.041
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	102.432.281.180	80.295.885.302
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		16.683.275.445	20.275.241.739
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	1.905.103.911	7.234.760.092
7. Chi phí tài chính	22	5.20	2.736.719.855	4.095.203.055
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.736.719.855	4.095.203.055
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	5.090.194.333	4.559.761.352
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	7.862.256.116	7.649.291.781
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		2.899.209.052	11.205.745.643
11. Thu nhập khác	31		2.859.859.799	3.803.523.804
12. Chi phí khác	32		104.404.784	64.646.567
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.23	2.755.455.015	3.738.877.237
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		5.654.664.067	14.944.622.880
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	1.319.654.877	2.681.787.793
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.335.009.190	12.262.835.087
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	507	2.128

Người lập biểu



Phạm Quốc Tài

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Tiến

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Giám đốc




Nguyễn Xuân Tiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
			(trình bày lại)	
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.654.664.067	14.944.622.880
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.259.642.400	2.011.347.959
- Các khoản dự phòng	03		644.709.953	(915.988.178)
- Chi phí lãi vay	06		2.736.719.855	4.095.203.055
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.295.736.275	20.135.185.716
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.316.264.340)	7.438.701.926
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.103.027.734	660.929.682
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		14.319.261.272	(22.011.805.763)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(199.667.198)	(333.146.946)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.736.719.855)	(4.095.203.055)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.595.307.454)	(3.375.765.665)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.069.726.885)	(2.002.281.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.800.339.549	(3.583.386.104)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(45.485.058.000)	(10.192.123.203)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(60.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45.485.058.000)	(10.252.123.203)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	28.500.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		70.613.631.420	4.826.305.835
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(54.006.065.003)	(27.640.709.390)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.550.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.057.566.417	5.685.596.445
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(17.627.152.034)	(8.149.912.862)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.711.499.427	28.861.412.289
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		3.084.347.393	20.711.499.427

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Quốc Tài

Nguyễn Đức Tiến

Nguyễn Xuân Tiến

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Đầu tư và Xây dựng Long An trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 2329/QĐ-BXD ngày 16/05/2005 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư và Xây dựng Long An thành Công ty cổ phần.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1100503295 ngày 05 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14: ngày 28 tháng 6 năm 2011 với tổng vốn điều lệ: 85.500.000.000 đồng.

Stt	Tên cổ đông	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần
1.	Vốn Nhà nước	51%	4.360.500
2.	Cổ đông khác	49%	4.189.500

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: IDICO - Long An Investment Construction Joint Stock Company

Trụ sở chính: Đường số 1, khu dân cư trung tâm phường 6, thành phố Tân An, Long An.

Số lao động bình quân: 437 người

1.2. Các đơn vị trực thuộc Công ty

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO - Nhà máy Vật liệu Xây dựng Tuynel Đức Hòa được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 08/QĐ-HĐQT ngày 02/01/2006 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 5013000114 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 10/4/2006.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO - Xí nghiệp khai thác và kinh doanh Vật liệu Xây dựng IDICO - LINCO được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 22/QĐ-HĐQT ngày 29/10/2007 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 5013000187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 24/12/2007.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO - Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư IDICO - LINCO được thành lập và hoạt động Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 1100503295-006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 20/05/2009.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO - Ban Quản lý dự án Khu dân cư Trung tâm mở rộng Phường 6 - Thành phố Tân An được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 15/03/2008 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 5013000209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 19/03/2008.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Đầu tư xây dựng phát triển: hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư tập trung, nhà và đô thị, các dự án phát triển công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp điện - nước;
- Thi công xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, thủy điện, bưu chính viễn thông, hạ tầng, đường dây - trạm biến thế điện;
- Thi công lắp đặt : máy móc, thiết bị, kết cấu kim loại phục vụ công tác xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng và phát triển đô thị;
- Kinh doanh: hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư tập trung, nhà và đô thị, các dự án phát triển công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp điện - nước;
- Khai thác, chế biến, sản xuất: vật tư- nguyên liệu - nhiên liệu - vật liệu xây dựng, trang trí nội - ngoại thất;
- Tư vấn thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình;
- Thẩm định thiết kế dự toán, môi giới và sàn giao dịch bất động sản;
- Khảo sát, đo đạc, khoan thăm dò địa hình, địa chất, lập bản vẽ địa hình địa chất;
- Lập dự án đầu tư, tư vấn quản lý xây dựng;
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, trang trí nội, ngoại thất, hoàn thiện;
- Tư vấn đấu thầu xây dựng, thẩm định, định giá công trình xây dựng, thẩm tra thiết kế dự toán;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công tác và công trình xây dựng.
- Cho thuê kho, bãi.
- San lấp mặt bằng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu dân cư tập trung; thi công xây dựng các công trình; kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

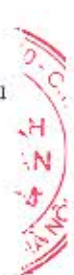
3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.



3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong Báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 6.4.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả nhà cung cấp và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài sản và công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ được phân vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ phải thu dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào thu nhập trong năm. Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Tuy nhiên trong trường hợp nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phân ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng năm (5) năm tiếp theo.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho do lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo thông tư 203/2009/TT-BTC, theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc, thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê được xem là thuê hoạt động. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài, không tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 5 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

[CHỖ DÁN CHỮ ĐỎ]

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Trong năm 2011, có 1.372.326.944 đồng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

253
TY
VN
DÁ
M
HA

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoạt động sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, hoạt động xây lắp, hoạt động đầu tư và chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng; và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	660.255.273	1.122.430.864
Tiền gửi ngân hàng	2.424.092.120	19.589.068.563
Tổng	3.084.347.393	20.711.499.427

5.2 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Liên doanh Khai thác Hạnh Phúc	3.020.390.328	3.020.390.328
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 10 IDICO	968.674.668	968.674.668
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	1.012.788.162	2.899.983.111
Vương Đức Thơm	29.062.873	95.380.605
Nguyễn Anh Tuấn (Xây dựng)	-	197.004.857
Công ty Cơ khí Vilacera (Lò sấy, lò nung)	55.261.614	55.261.614
Thù lao Hội đồng Quản trị	237.000.000	-
Phải thu khác	6.676.000	4.443.376
Tổng	5.329.853.645	7.241.138.559

5.3 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.375.964.795	1.150.750.221
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.885.037.210	16.624.854.303
Thành phẩm	2.241.566.826	2.936.756.152
Hàng hoá	3.088.504.844	5.981.740.733
Tổng	21.591.073.675	26.694.101.409
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	402.426.695	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	21.188.646.980	26.694.101.409

5.4 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng	3.849.518.408	4.346.627.241
Tổng	3.849.518.408	4.346.627.241

5.5 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2011	21.499.203.476	3.741.092.967	2.183.999.870	3.538.670.192	30.962.966.505
Tăng trong năm	60.000.000	334.318.182	225.000.000	32.317.273	651.635.455
Mua trong năm	60.000.000	334.318.182	225.000.000	32.317.273	651.635.455
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>21.559.203.476</u>	<u>4.075.411.149</u>	<u>2.408.999.870</u>	<u>3.570.987.465</u>	<u>31.614.601.960</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2011	5.980.076.997	1.279.076.635	1.049.440.963	1.651.528.670	9.960.123.265
Tăng trong năm	1.038.989.798	489.919.255	287.682.450	443.050.897	2.259.642.400
Khấu hao trong năm	1.038.989.798	489.919.255	287.682.450	443.050.897	2.259.642.400
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>7.019.066.795</u>	<u>1.768.995.890</u>	<u>1.337.123.413</u>	<u>2.094.579.567</u>	<u>12.219.765.665</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2011	15.519.126.479	2.462.016.332	1.134.558.907	1.887.141.522	21.002.843.240
Tại 31/12/2011	<u>14.540.136.681</u>	<u>2.306.415.259</u>	<u>1.071.876.457</u>	<u>1.476.407.898</u>	<u>19.394.836.295</u>

5.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài, không tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tại ngày 1 tháng 1	81.959.746.340	75.426.933.595
Tăng	44.833.422.545	6.532.812.745
Kết chuyển tài sản cố định	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	126.793.168.885	81.959.746.340
	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Dự án khu nhà ở dân cư phường 2	5.417.171.900	5.411.201.100
Dự án KDC trung tâm mở rộng phường 6	118.281.205.897	74.661.510.725
Dự án mỏ sét	1.223.585.982	1.554.702.569
Dự án mặt bằng khu xử lý nước thải Nhà máy Tuynel Đức Hòa	144.167.400	144.167.400
Dự án khai thác cát	180.723.637	180.723.637
Dự án khu dân cư trung tâm phường 6	104.359.707	-
Khu công nghiệp Hựu Thạnh - Đức Hòa	1.441.954.362	7.440.909
Tổng	126.793.168.885	81.959.746.340

5.8 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty CP Khai thác Hạnh Phúc	6.750.000.000	6.750.000.000
Công ty CP Tư vấn Hội nhà thầu Xây dựng Long An	60.000.000	60.000.000
	6.810.000.000	6.810.000.000

Công ty Cổ phần Khai thác Hạnh Phúc được chuyển đổi từ Công ty Liên doanh Khai thác Hạnh phúc theo Giấy chứng nhận đầu tư số 502032000059 ngày 22/4/2008, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 7,5% trong tổng số 90 tỷ vốn điều lệ của Công ty này.

Công ty Cổ phần Tư vấn Hội nhà thầu Xây dựng Long An hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101258409 ngày 26/03/2010, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 5% trong tổng số 2 tỷ vốn điều lệ của Công ty này.

5.9 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	147.861.985	173.437.749
Tổng	147.861.985	173.437.749

5.10 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
1. Vay tổ chức tín dụng	17.940.138.637	20.832.572.220
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Long An	17.940.138.637	20.832.572.220
2. Nợ dài hạn đến hạn trả	3.750.000.000	500.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Long An	-	500.000.000
Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An	3.750.000.000	-
Tổng	21.690.138.637	21.332.572.220

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.10 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long An theo hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐ ngày 24/11/2010 và được sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 26/04/2011. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 51.000.000.000 VND. Khoản vay này là khoản vay theo hạn mức tín dụng được đảm bảo bằng tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2010/HĐTC ngày 18/08/2010, giá trị: 17,363 tỷ đồng; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐTC ngày 23/11/2010, giá trị: 21,781 tỷ đồng và chịu lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Kỳ hạn trả lãi được xác định tại hợp đồng tín dụng cụ thể.

5.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
		(trình bày lại)
Thuế giá trị gia tăng	568.601.086	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.319.654.877	2.681.787.793
Thuế thu nhập cá nhân	29.312.680	14.663.457
Tổng	1.917.568.643	2.696.451.250

5.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
		(trình bày lại)
Trung tâm Y tế Thạnh Hóa	-	271.020.194
Dự án khu dân cư phường 6, Tân An, Long An	-	3.807.870.620
Chi phí khấu hao mô sét	-	334.066.587
Công an Bến Lức (Nhà ở doanh trại)	-	349.462.602
Hệ thống ống kỹ thuật - Điện chiếu sáng Đài TH	-	482.062.348
Điện chiếu sáng Bảo vệ sức khỏe	-	13.781.520
Trường dạy nghề Long An (Nguyễn Thanh Phong)	-	257.386.614
Thẩm tra tư vấn thiết kế chợ và Khu phố Anh Thạnh	-	66.493.279
Trung tâm dạy nghề Đồng Tháp Mười, Huyện Mộc Hóa	-	312.412.847
Ngân hàng Nông nghiệp khu vực 2	-	15.134.130
Cải tạo văn phòng làm việc BQLDA	-	47.924.413
Công trình Giao thông	-	-
Trường THPT Lê Quý Đôn	-	1.558.642.859
Trường THCS Nhứt Tảo	-	818.068.351
Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Long An	519.918.206	-
Trường trung học Y tế Long An	197.874.050	-
Khu công nghiệp Đức Hòa 1 - Hạnh Phúc	50.762.341	-
Chi phí thẩm tra QT công trình TAND Bến Lức	1.094.000	-
Trích trước chi phí lãi vay cho Dự án khu dân cư trung tâm mở rộng phường 6	72.220.777	-
Tổng	841.869.374	8.334.326.364

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.13 PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	67.633.553	111.449.440
Bảo hiểm xã hội	67.085.652	-
Bảo hiểm y tế	13.463.914	-
Bảo hiểm thất nghiệp	6.661.994	-
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô Thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO)	8.665.400.100	498.834.439
Cán bộ công nhân viên	2.545.744.531	1.788.670.323
Lê Văn Thái	22.641.077	22.641.077
Nguyễn Anh Tuấn	822.476.188	2.135.269.870
Phải trả khác	585.343.317	593.650.167
Tổng	12.796.450.326	5.150.515.316

5.14 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	17.930.773.120	17.930.773.120
Tổng	17.930.773.120	17.930.773.120

Căn cứ theo hợp đồng điều chỉnh hợp tác và kinh doanh số 27/2011/HĐHT ngày 24 tháng 06 năm 2011 giữa Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Long An IDICO (“IDICO-LINCO”) và Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng IDICO (“IDICO-IDI”) về việc hợp tác đầu tư và kinh doanh “Dự án Khu dân cư Trung tâm mở rộng Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An”. Dự án có thông tin cụ thể như sau:

Tổng mức đầu tư dự án	724.135.957.316
Trong đó cơ cấu vốn được xác định:	
70% vốn huy động hợp pháp	506.895.170.121
30% vốn góp của IDICO - LINCO và IDICO - IDI	217.240.787.195
Trong đó:	
IDICO - LINCO (70%)	152.068.551.037
IDICO - IDI (30%)	65.172.236.159
Đến 31/12/2011 IDICO - IDI đã góp	17.930.773.120

5.15 VAY DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An	16.250.000.000	-
Tổng	16.250.000.000	-

Công ty vay dài hạn của Quỹ Đầu Tư Phát Triển tỉnh Long An theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011.HĐTD ngày 20 tháng 01 năm 2011. Trị giá hợp đồng vay: 20.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 5 năm, lãi suất nợ trong hạn: 10.6%/năm. Khi Nhà nước có quyết định điều chỉnh lãi suất thì lãi suất đối với phần vốn vay đã giải ngân, tính theo lãi suất 10.6%/năm, đối với phần vốn chưa giải ngân thì lãi suất được tính theo mức điều chỉnh của Nhà nước tại từng thời điểm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn. Mục đích vay: Tiền vay được sử dụng để đầu tư xây dựng hạng mục: hệ thống thoát nước, hệ thống giao thông dự án Khu dân cư trung tâm mở rộng phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An; Đảm bảo tiền vay: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất diện tích 2.731m² với tổng giá trị tài sản đảm bảo: 23.350.050.000 đồng. Kỳ hạn trả nợ: 1 quý/lần, mức trả nợ trong mỗi kỳ: 1.250.000.000 đồng.

5.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	50.000.000.000	9.000.000.000	95.175.693	966.146.915	640.767.622	11.347.966.927	72.050.057.157
Tăng trong năm	35.500.000.000	-	947.731.727	2.571.937.242	1.705.616.235	11.635.741.727	52.361.026.931
Tăng vốn	35.500.000.000	-	-	-	-	-	35.500.000.000
Lãi	-	-	-	-	-	11.635.741.727	11.635.741.727
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.571.937.242	1.705.616.235	-	4.277.553.477
Tăng khác	-	-	947.731.727	-	-	-	947.731.727
Giảm trong năm	-	-	-	947.731.727	-	13.849.956.692	14.797.688.419
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	2.571.937.242	2.571.937.242
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	1.705.616.235	1.705.616.235
Trích quỹ KT và Phúc lợi	-	-	-	-	-	2.287.403.215	2.287.403.215
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
Giảm khác	-	-	-	947.731.727	-	285.000.000	1.232.731.727
Số dư tại 31/12/2010	85.500.000.000	9.000.000.000	1.042.907.420	2.590.352.430	2.346.383.857	9.133.751.962	109.613.395.669
Điều chỉnh hồi tố theo Biên bản thanh tra Bộ Tài Chính						627.093.360	627.093.360
Số dư tại 01/01/2011	85.500.000.000	9.000.000.000	1.042.907.420	2.590.352.430	2.346.383.857	9.760.845.322	110.240.489.029
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	4.335.009.190	4.335.009.190
Lãi	-	-	-	-	-	4.335.009.190	4.335.009.190
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	8.649.000.000	8.649.000.000
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	8.550.000.000	8.550.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	99.000.000	99.000.000
Số dư tại 31/12/2011	85.500.000.000	9.000.000.000	1.042.907.420	2.590.352.430	2.346.383.857	5.446.854.512	105.926.498.219

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	31/12/2011	1/1/2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.550.000	8.550.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.189.500	4.189.500
Cổ phiếu phổ thông	4.189.500	4.189.500
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.550.000	8.550.000
Cổ phiếu phổ thông	8.550.000	8.550.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP

5.17 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu của hàng hóa đã bán	49.077.271.814	30.324.514.186
Doanh thu xây lắp	62.625.991.432	65.203.068.478
Doanh thu kinh doanh bất động sản	7.159.896.940	4.903.702.775
Doanh thu khác	252.396.439	139.841.602
Tổng	119.115.556.625	100.571.127.041

5.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	46.641.727.695	26.867.116.251
Giá vốn xây lắp	54.206.142.999	52.277.111.741
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.081.818.130	978.933.285
Giá vốn dịch vụ	502.592.356	172.724.025
Tổng	102.432.281.180	80.295.885.302

5.19 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.905.103.911	4.214.369.764
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3.020.390.328
Tổng	1.905.103.911	7.234.760.092

5.20 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.736.719.855	4.095.203.055
Tổng	2.736.719.855	4.095.203.055

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.21 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.072.216.360	1.757.662.655
Chi phí khấu hao TSCĐ	614.555.440	616.139.751
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	791.697.093	1.284.825.627
Chi phí bằng tiền khác	1.611.725.440	901.133.319
Tổng	5.090.194.333	4.559.761.352

5.22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.405.117.132	4.659.879.345
Chi phí vật liệu quản lý	462.709.100	433.211.886
Chi phí đồ dùng văn phòng	127.144.272	14.789.559
Chi phí khấu hao TSCĐ	384.386.638	356.779.821
Thuế, phí và lệ phí	24.373.069	110.954.223
Chi phí dự phòng	273.707.758	919.658.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	514.911.830	739.650.269
Chi phí bằng tiền khác	669.906.317	414.368.487
Tổng	7.862.256.116	7.649.291.781

5.23 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập khác		
Hoàn nhập các khoản chi phí trích trước	1.913.980.840	815.206.552
Thu nhập khác	945.878.959	2.988.317.252
Tổng	2.859.859.799	3.803.523.804
Chi phí khác		
Các khoản chi phí khác	104.404.784	64.646.567
Tổng	104.404.784	64.646.567
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	2.755.455.015	3.738.877.237

31/12/2011
 CÔNG TY
 AN
 O
 NA
 -T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.24 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND (trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán	5.654.664.067	14.227.944.754
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:		
- Theo Biên bản thanh tra Bộ Tài Chính		716.678.126
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:		
- Cổ tức được nhận		3.020.390.328
Chuyển lỗ từ hoạt động SXKD năm 2009	376.044.560	838.742.320
Thu nhập chịu thuế	5.278.619.507	11.085.490.232
<i>Thu nhập từ hoạt động SXKD (bổ sung)</i>	-	716.678.126
<i>Thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất</i>	5.278.619.507	10.368.812.106
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	25%	25%
<i>Tỷ lệ ưu đãi</i>	-	50%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.319.654.877	2.681.787.793

5.25 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.264.135.467	47.743.818.506
Chi phí nhân công	10.484.448.631	9.489.189.528
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.259.642.400	2.012.031.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.743.615.668	6.174.028.353
Tổng	53.751.842.166	65.419.068.145

5.26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011	Năm 2010 (trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	4.335.009.190	12.262.835.087
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND):		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.335.009.190	12.262.835.087
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.550.000	5.761.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	507	2.128

H
I
N
H
H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày lại theo Biên bản Thanh tra Bộ Tài Chính ngày 27 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”. Ảnh hưởng chi tiết việc trình bày lại số liệu đến các khoản mục của Báo cáo tài chính đã công bố năm trước như sau:

Bảng Cân đối kế toán

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Số dư tại 01/01/2011</u>	<u>Số dư tại 31/12/2010</u>	<u>Chênh lệch</u>
Chi phí phải trả	(8.334.326.364)	(9.051.004.490)	716.678.126
Thuế TNDN phải nộp	(2.681.787.793)	(2.592.203.027)	(89.584.766)
Lợi nhuận chưa phân phối	(9.760.845.322)	(9.133.751.962)	(627.093.360)
Cộng thay đổi Nguồn vốn			-

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Năm 2010 (sau điều chỉnh)</u>	<u>Năm 2010 (trước điều chỉnh)</u>	<u>Chênh lệch</u>
Giá vốn hàng bán	80.295.885.302	81.012.563.428	(716.678.126)
Chi phí thuế TNDN	2.681.787.793	2.592.203.027	89.584.766
Lợi nhuận sau thuế	12.262.835.087	11.635.741.727	627.093.360
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.128	2.020	108

Theo Biên bản Thanh tra Bộ Tài Chính, chi phí giá vốn hoạt động xây lắp được điều chỉnh giảm 716.678.126 đồng do công ty đã trích trước giá vốn các công trình xây lắp nhưng thực tế không phát sinh chi phí, và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng tăng lên 89.584.766 đồng. Số liệu này đã được điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính của năm 2010 như trình bày ở trên.

6.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, Xây lắp, Đầu tư và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, và lĩnh vực khác (tư vấn đầu tư xây dựng) chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

6.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: VND

	Sản xuất và kinh doanh VLXD	Xây lắp	Đầu tư, chuyển nhượng QSDD	Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng	Loại trừ	Tổng
TÀI SẢN						
Tài sản cố định	8.650.190.199	1.266.591.529	11.079.683.734	6.377.778	-	21.002.843.240
Xây dựng cơ bản dở dang	1.879.593.606	-	80.080.152.734	-	-	81.959.746.340
Các khoản phải thu	6.143.443.285	27.768.026.021	3.299.758.762	57.286.219	-	37.268.514.287
Hàng tồn kho	11.048.197.461	15.381.018.567	-	264.885.381	-	26.694.101.409
Tài sản không thể phân bổ						27.499.465.508
Tổng tài sản	27.721.424.551	44.415.636.117	94.459.595.230	328.549.378	-	194.424.670.784
NỢ PHẢI TRẢ + VỐN CSH						
Các khoản phải trả	4.845.818.153	16.707.512.800	35.511.496.725	88.428.279	-	57.153.255.957
Phải trả tiền vay	6.785.055.577	14.547.516.643	-	-	-	21.332.572.220
Nợ phải trả không phân bổ						115.938.842.607
Tổng nợ phải trả + vốn CSH	11.630.873.730	31.255.029.443	35.511.496.725	88.428.279	-	194.424.670.784

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: VND

	Sản xuất và kinh doanh VLXD	Xây lắp	Đầu tư, chuyển nhượng QSDD	Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng	Loại trừ	Tổng
DOANH THU						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra	30.324.514.186	65.203.068.478	4.903.702.775	139.841.602		100.571.127.041
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	7.853.833.136				(7.853.833.136)	-
Tổng doanh thu	38.178.347.322	65.203.068.478	4.903.702.775	139.841.602	(7.853.833.136)	100.571.127.041
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH						
Kết quả kinh doanh bộ phận	475.254.131	6.075.574.661	1.548.242.237	(32.882.423)		8.066.188.606
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư						3.139.557.037
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên						3.738.877.237
Lợi nhuận kế toán trước thuế						14.944.622.880
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(2.681.787.793)
Lợi nhuận trong năm						12.262.835.087

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

6.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN(Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

	Sản xuất và kinh doanh VLXD	Xây lắp	Đầu tư, chuyển nhượng QSDĐ	Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng	Loại trừ	Tổng
TÀI SẢN						
Tài sản cố định	7.842.299.967	1.322.789.164	10.229.747.164	-	-	19.394.836.295
Xây dựng cơ bản dở dang	1.548.477.019	-	125.244.691.866	-	-	126.793.168.885
Các khoản phải thu	7.874.462.349	23.856.566.003	2.746.687.166	24.640.248	-	34.502.355.766
Hàng tồn kho	7.344.860.207	13.657.203.634	-	186.583.139	-	21.188.646.980
Tài sản không thể phân bổ						16.912.120.275
Tổng tài sản	24.610.099.542	38.836.558.801	138.221.126.196	211.223.387	-	218.791.128.201
NỢ PHẢI TRẢ + VỐN CSH						
Các khoản phải trả	5.941.652.218	21.656.923.497	29.490.773.120	38.692.184	-	57.128.041.019
Phải trả tiền vay	3.618.064.848	18.072.073.789	25.000.000.000	-	-	46.690.138.637
Nợ phải trả không phân bổ						114.972.948.545
Tổng nợ phải trả + vốn CSH	9.559.717.066	39.728.997.286	54.490.773.120	38.692.184	-	218.791.128.201

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

6.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN(Tiếp theo)

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

	Sản xuất và kinh doanh VLXD	Xây lắp	Đầu tư, chuyển nhượng QSDĐ	Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng	Loại trừ	Tổng
DOANH THU						
Doanh thu thuần từ bán hàng và bên ngoài	49.077.271.814	44.668.355.068	7.159.896.940	174.979.167		101.080.502.989
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	8.697.723.937	17.957.636.364		77.417.272	(8.697.723.937)	18.035.053.636
Tổng doanh thu	57.774.995.751	62.625.991.432	7.159.896.940	252.396.439	(8.697.723.937)	119.115.556.625
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH						
Kết quả kinh doanh bộ phận	(2.363.222.829)	220.657.705	3.386.866.182	(250.195.917)		994.105.141
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)	-	-	-	-	-	1.905.103.911
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	-	-	2.755.455.015
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	-	5.654.664.067
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	(1.319.654.877)
Lợi nhuận trong năm						4.335.009.190

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

6.3 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Giao dịch bán:**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO)	Công ty mẹ	Khối lượng xây lắp hoàn thành	1.243.434.339	
Công ty CP sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng IDICO	Đơn vị cùng tổng IDICO	Bán hàng hóa	598.475.000	385.000.000
Công ty CP kiểm định xây dựng IDICO Vinacontrol	Đơn vị cùng tổng IDICO	CP lập dự án	82.212.480	80.219.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng tổng IDICO	Bán hàng hóa	2.140.507.549	
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng tổng IDICO	Giảm tiền lãi chậm góp vốn	(1.887.194.949)	
Công ty CP phát triển đường cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu	Đơn vị cùng tổng IDICO	Ứng trước HĐTC	(303.000.000)	
Tổng			1.874.434.419	465.219.000

Giao dịch mua:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO)	Công ty mẹ	Phải trả -Cổ tức	4.360.500.000	
		Phí kiểm toán	49.500.000	49.500.000
		Vay vốn ngắn hạn	5.000.000.000	
Công ty CP sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng IDICO	Đơn vị cùng tổng IDICO	Mua bán VLXD	178.857.536	379.614.840
Công ty CP kiểm định xây dựng IDICO Vinacontrol	Đơn vị cùng tổng IDICO	CP kiểm định	1.569.325.573	
Công ty CP Tư vấn Đầu tư IDICO	Đơn vị cùng tổng IDICO	Lập dự án, giám sát	1.309.536.000	330.000.000
Tổng			12.467.719.109	759.114.840

Số dư phải trả các bên liên quan:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2011 VND	1/1/2011 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO)	Phải trả -Cổ tức	3.665.400.100	166.834.439
	Vay vốn ngắn hạn	5.000.000.000	
Công ty CP Tư vấn Đầu tư IDICO	Phải trả người bán	850.494.000	27.500.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Vốn góp hợp tác KD dự án KDC TT mở rộng P6	17.930.773.120	17.930.773.120
Công ty CP sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng IDICO	Phải trả người bán		5.385.160
Công ty CP kiểm định xây dựng IDICO Vinacontrol	Phải trả tiền dv tư vấn	102.358.573	
Công ty CP phát triển đường cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu	Phải trả tiền ứng trước HĐTC	303.000.000	
Tổng		27.852.025.793	18.130.492.719

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

6.3 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư phải thu các bên liên quan:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2011 VND	1/1/2011 VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 10 Idico	Phải thu tiền lãi cho vay	968.674.668	968.674.668
Công ty CP kiểm định xây dựng IDICO Vinacontrol	Phải thu tiền dv tư vấn	8.221.248	57.286.219
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Phải thu tiền ứng trước theo hợp đồng		868.082.000
Công ty CP sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng IDICO	Phải thu khoản lãi chậm góp vốn DA mở rộng F6	1.012.788.162	2.899.983.111
Tổng	Phải thu tiền hàng	122.352.624	
		2.112.036.702	4.794.025.998

Thu nhập cán bộ chủ chốt:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	237.000.000	138.000.000

6.4 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.



6.4 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch và số dư tài sản hoặc công nợ có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất thả nổi và lãi suất cố định đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty không chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam(CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Người lập biểu

Phạm Quốc Tài

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Tiến

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Giám đốc



Nguyễn Xuân Tiến